

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi đến năm 2023

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;

Trên cơ sở văn bản xác nhận mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Tịnh Khê của các Sở, ngành tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Tịnh Khê đến năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ngày thẩm định: 28/12/2023

Nội dung thẩm định: Thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Tịnh Khê đến năm 2023.

1. Về hồ sơ

1.1. Đối với xã Tịnh Khê đã có:

- Tờ trình về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;
- Biên bản họp của UBND xã về việc đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;
- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã đến năm 2023;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã.

1.2. Đối với thành phố Quảng Ngãi đã có:

- Tờ trình về việc thẩm định, xét, công nhận xã Tịnh Khê đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Biên bản họp của UBND thành phố về việc đề nghị xét, công nhận xã Tịnh Khê đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao xã Tịnh Khê năm 2023;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao xã Tịnh Khê năm 2023;

- Báo cáo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã Tịnh Khê đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

a2) Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

a3) Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

b1) Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.

b2) Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021. Đồng thời, UBND thành phố đang triển khai lập Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Quảng Ngãi để thay thế cho Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 02/6/2016.

UBND thành phố đã tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung; các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai trước trụ sở UBND xã Tịnh Khê để người dân biết và thực hiện.

b3) Có Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phần còn lại của xã Tịnh Khê và xã

Tỉnh Kỳ (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 19/01/2021) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Quảng Ngãi.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định, cụ thể:

- 100% được nhựa hóa, bê tông hóa và bảo trì hàng năm.

- Được lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định, bố trí gờ giảm tốc tại các vị trí nguy hiểm.

- Tỷ lệ đường qua khu dân cư được lắp hệ thống chiếu sáng (xã khu vực miền núi $\geq 50\%$; khu vực đồng bằng $\geq 70\%$).

- Tỷ lệ đường được trồng cây xanh tại các đoạn có thể trồng (xã khu vực miền núi $\geq 50\%$; khu vực đồng bằng $\geq 70\%$).

a2) Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, cụ thể:

- 100% được cứng hóa, bảo trì hàng năm.

- Được lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định, bố trí gờ giảm tốc tại các vị trí nguy hiểm.

- Tỷ lệ đường qua khu dân cư được lắp hệ thống chiếu sáng (xã khu vực miền núi $\geq 50\%$; khu vực đồng bằng $\geq 70\%$).

- Tỷ lệ đường được trồng cây xanh tại các đoạn có thể trồng (xã khu vực miền núi $\geq 50\%$; khu vực đồng bằng $\geq 70\%$).

a3) Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp $\geq 90\%$.

a4) Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa (xã khu vực miền núi $\geq 65\%$; khu vực đồng bằng $\geq 80\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

b1) Tổng số km đường xã được quy hoạch tổng chiều dài 6,034 km, trong đó:

- Số km đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 5,483/5,483 km, đạt 100%;

- Đường xã được lắp đặt hệ thống biển báo hiệu đường bộ theo quy định và có bố trí gờ giảm tốc tại các vị trí nguy hiểm;

- Đường xã qua khu dân cư được lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng:

đạt 100%;

- Tỷ lệ đường xã được trồng cây xanh (tại các đoạn có thể trồng) đạt 72,6%.

b2) Tổng số km đường thôn được quy hoạch với tổng chiều dài 9,06 km, trong đó:

- Đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm: đạt 100%;

- 100% số tuyến được lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định, bố trí gờ giảm tốc tại các vị trí nguy hiểm;

- Đường thôn và đường liên thôn qua khu dân cư được lắp đặt hệ thống chiếu sáng: đạt 100%;

- Đường thôn và đường liên thôn được trồng cây xanh (tại các đoạn có thể trồng): đạt 70,4%.

b3) Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, bảo đảm sáng – xanh – sạch – đẹp: 37,176/41,028 km, đạt 90,61%.

b4) Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 3,81/4,31 km, đạt 88,39%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.3. Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

a2) Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

a3) Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

a4) Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

a5) Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

a6) Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

b1) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 667,14/717,67 ha, chiếm tỷ lệ 92,96%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động: đạt 98,2%.

b2) Trên địa bàn xã có một tổ chức thủy lợi cơ sở (HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Khê) hoạt động hiệu quả, bền vững.

b3) Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương (cây lúa) được tưới tiên

tiền, tiết kiệm nước: đạt 60,24%.

b4) Trên địa bàn xã có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

b5) UBND xã đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền về pháp luật thủy lợi, hiện tại trên địa bàn xã không có nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi do xã quản lý.

b6) Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

c) Đánh giá chung: Đạt.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 99\%$.

b) Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định 100%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (100%).

a2) Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

a3) Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3).

a4) Đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2).

a5) Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

a6) Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền ($\geq 50\%$ trường học các cấp có mô hình)

b) Kết quả thực hiện:

b1) Trên địa bàn xã có 03 trường học các cấp (mầm non, tiểu học và THCS) đều đạt chuẩn theo quy định; riêng trường Mầm non Tịnh Khê đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

b2) Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đạt), theo Quyết định số 6032/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi.

b3) Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3) theo Quyết định số 6032/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi.

b4) Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2.

b5) Cộng đồng học tập xã Tịnh Khê được đánh giá, xếp loại Tốt (86,25/100 điểm) theo Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi.

b6) Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận tỷ lệ trường học các cấp trên địa bàn xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền đạt 100%, đảm bảo theo quy định.

c) Đánh giá chung: Đạt.

2.6. Tiêu chí số 6 về Văn hoá.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, cụ thể:

- Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa đối với xã nông thôn mới $\geq 90\%$.

- Có Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định.

- Điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời $\geq 70\%$.

- Xây dựng được các mô hình hoạt động của các CLB văn hóa, văn nghệ, thể thao tại NVH thôn và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tỷ lệ người dân tham gia thường xuyên ($\geq 45\%$ người dân tham gia).

- Triển khai thực hiện đối với hoạt động thư viện

a2) Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định, cụ thể:

- Di sản văn hóa trên địa bàn xã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. Bố trí cơ quan, đơn vị, cá nhân trông coi, gìn giữ di tích.

- Xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa của địa phương trên trang WEB và các hình thức truyền thông khác.

- Bố trí nguồn kinh phí bảo tồn, duy trì phát huy các loại hình di sản văn hóa trên địa bàn.

- Tại thời điểm xét công nhận NTM nâng cao trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, danh thắng; không vi phạm trong

hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.

a3) Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể:

- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục (trong đó, tại năm xét công nhận hoặc năm liền kề) $\geq 75\%$.

- Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình Văn hóa 3 năm liên tục (trong đó, tại năm xét công nhận hoặc năm liền kề) $\geq 75\%$.

- Tỷ lệ thôn được tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa $\geq 15\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình được tặng Giấy khen gia đình văn hóa $\geq 15\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

b1) Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, cụ thể:

- Duy trì, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất bên trong Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã và các nhà văn hóa thôn, đảm bảo chất lượng tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa theo quy định.

- Có Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định.

- Điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đảm bảo theo quy định.

- Trên địa bàn xã có các 3 Câu lạc bộ Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; phòng chống bạo lực gia đình. 04 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng dân cư ở các thôn.

- UBND xã có tủ sách pháp luật, nhà văn hóa xã có tủ sách cộng đồng và đưa vào phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn.

b2) Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định, cụ thể:

- Trên địa bàn xã có di tích và danh lam thắng cảnh: Khu Chứng tích Sơn Mỹ; Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định; Di tích lịch sử Nhà lưu niệm Trương Quang Giao, Nhà thờ Trương Đăng Quế, Di tích Rừng dừa nước, thắng cảnh Biền Mỹ Khê.

- Xây dựng kế hoạch bảo tồn, di tích lịch sử, tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di tích lịch sử của địa phương trên trang WEB và các hình thức truyền thông khác.

- Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch trùng tu, bố trí kinh phí bảo tồn, duy trì phát huy di tích lịch sử trên địa bàn.

- Tại thời điểm xét công nhận xã NTM nâng cao, trên địa bàn không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, danh thắng; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.

b3) Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể:

- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục đạt 100%.
- Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình Văn hóa 3 năm liên tục đạt 84,26%.
- Tỷ lệ thôn được tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa đạt 25%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được tặng Giấy khen gia đình văn hóa đạt 26,35%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

b) Kết quả thực hiện:

Sở Công Thương đánh giá, xác nhận xã Tịnh Khê đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

a2) Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (dân số theo độ tuổi lao động)

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi $\geq 50\%$; các xã còn lại $\geq 80\%$.

a3) Có dịch vụ báo chí truyền thông, trong đó:

- Tỷ lệ thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên (Xã khu vực miền núi $\geq 90\%$; xã khu vực đồng bằng 100%).

- 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Iternet.

- Có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm.

a4) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã (50%).

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. (Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi $\geq 80\%$; các xã còn lại 100%).

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản (Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi $\geq 50\%$; các xã còn lại $\geq 70\%$).

- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ 100% (**đã bãi bỏ, không đánh giá**).

a5) Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

b) Kết quả thực hiện:

b1) Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

b2) Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (dân số theo độ tuổi lao động) đạt 82,35%.

b3) Có dịch vụ báo chí truyền thông, trong đó:

- Tỷ lệ thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên 100%;

- Trên địa bàn các thôn trong xã đa số đang sử dụng truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;

- Trên địa bàn xã có 03 điểm cung cấp xuất bản phẩm.

b4) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã được Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá đạt.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 76,06%;

- Xã Tịnh Khê có 02 sản phẩm đạt OCOP 3 sao: là nước mắm Sơn Mỹ của cơ sở sản xuất nước mắm Trần Quốc Ca, chả Cá Kitasea của Công ty TNHH MTV KITA; có 01 sản phẩm đạt OCOP 4 sao: chả Mực Kitasea của Công ty TNHH MTV KITA được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ 100% (**Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bãi bỏ, không đánh giá**).

b5) Hiện tại trên địa bàn xã có điểm wifi miễn phí đang sử dụng tại Nhà văn hóa xã, các nhà văn hóa thôn phục vụ nhân dân có nhu cầu truy cập 24/24.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 85\%$.

b) Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố 3.135/3.351 nhà, đạt tỷ lệ 93,55%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ≥ 56 tr.đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của xã đạt 56,7 tr.đồng.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.11. Tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 $\leq 3\%$.

b) Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ nghèo đa chiều 1,37%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động.

a) Yêu cầu của tiêu chí

a1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 80\%$.

a2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ $\geq 30\%$.

a3) Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn $\geq 60\%$.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 85,44%.

b2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 75,36%.

b3) Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn 79,41%

c) Đánh giá chung: Đạt

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

a) Yêu cầu của tiêu chí

a1) Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

a2) Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

a3) Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

a4) Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

a5) Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 10\%$.

a6) Có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

a7) Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

a8) Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b. Kết quả thực hiện:

b1) Hợp tác xã kinh doanh và Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Khê hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

b2) Xã có 03 sản phẩm đạt OCOP tại Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh, gồm: Chả cá đở Kitasea, nước mắm Sơn Mỹ đạt OCOP 3 sao và chả mực Kitasea đạt OCOP 4 sao.

b3) Xã Tịnh Khê thực hiện mô hình *trồng dưa xiêm lùn da xanh* áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất;

b4) Có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

b5) Xã Tịnh Khê có 02/3 sản phẩm (Chả cá đở Kitasea và chả mực Kitasea) được bán trên sàn thương mại điện tử ocop.quangngai.gov.vn có xác nhận Ủy ban ban nhân dân xã, đạt tỉ lệ 66,67%.

b6) Được cấp Mã số vùng trồng VN-51-522-21211-9-23 đối với cây Dưa xiêm lùn da xanh, trên diện tích 2,2ha, tại xứ đồng Soi Quang, xóm Khê Trung, Thôn Trường Định, xã Tịnh Khê.

b7) Việc triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá đạt.

b8) Trên địa bàn xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: mô hình “Du lịch cộng đồng của HTXNN và Du lịch cộng đồng Mỹ Khê”.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- a1) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 95\%$.
- a2) Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe $\geq 90\%$.
- a3) Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa $\geq 40\%$.
- a4) Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện:

- b1) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,25%.
- b2) Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt 93,78%.
- b3) Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt 41,12%.
- b4) Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 73,19%.

c) Đánh giá chung: Đạt**2.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công****a) Yêu cầu của tiêu chí**

- a1) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.
- a2) Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.
- a3) Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Có 02/02 tiêu chí thành phần được đánh giá “đạt”, tỷ lệ 100%;

b2) Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên được Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá đạt.

b3) Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

Có 05/6 tiêu chí thành phần được đánh giá “đạt”; 01/6 tiêu chí thành phần đánh giá “chưa đạt”, cụ thể như sau:

Tiêu chí về chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được **xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên**. Tuy nhiên, theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì kết quả phân loại của xã năm 2022 **xếp loại trung bình** (điểm 63,39), năm 2023 **xếp loại tốt** (điểm 80,06).

c) Đánh giá chung: 15.1 (đạt); 15.2 (đạt); 15.3 (đạt 90%).

2.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

a2) Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt $\geq 90\%$.

a3) Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận;

b2) Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt 100%;

b3) Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

a2) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

a3) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 85\%$.

a4) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 40\%$.

a5) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

a6) 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

a7) Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

a8) Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 90\%$.

a9) Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

a10) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$.

a11) Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥ 04 m²/người.

a12) Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Trên địa bàn xã không có khu giết mổ tập trung, chỉ có hộ chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) nhỏ lẻ, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

b2) Trên địa bàn xã có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh cá thể, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

b3) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

b4) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 60,66%.

b5) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 61,94%.

b6) 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b7) Tỷ lệ khối lượng chất thải hữu cơ phát sinh từ chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp và số hộ thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đảm bảo theo quy định.

b8) Xã Tịnh Khê: 327/327 hộ có chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%.

b9) Trên địa bàn chưa có cơ sở hỏa táng, việc tổ chức mai táng, chôn cất tại địa phương được UBND xã Tịnh Khê quản lý, thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn xã (đã được UBND xã Tịnh Khê phê duyệt tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 21/10/2016).

b10) Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở hạ tầng cho việc hỏa táng.

b11) Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 6,89 m²/người.

b12) Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 100%.

c) Đánh giá chung: Đạt

2.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 50\%$.

a2) Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít.

a3) Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 30\%$.

a4) 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

a5) Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

a6) 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

a7) Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 95\%$.

a8) 100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,9%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 69,2%; trong đó, số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung 111/3.503 hộ, đạt tỷ lệ 3,2% (Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khê - Kỳ).

b2) Tổng sản lượng nước cung cấp (hệ thống tập trung) xã Tịnh Khê là 34 m³/ngày đêm, cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người là 70 lít/người/ngày đêm.

b3) Đánh giá mức độ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Đạt 100 điểm/100 điểm.

Đề nghị UBND xã Tịnh Khê tăng cường công tác vận động người dân trên địa bàn xã sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung để đạt tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 50\%$.

b4) 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

b5) Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

b6) 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

b7) Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

b8) Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải sinh hoạt trên địa bàn xã được Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Quảng Ngãi thu gom, vận chuyển đảm bảo quy định.

c) Đánh giá chung: Đạt 7/8 chỉ tiêu; 01 chỉ tiêu về tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung chưa đảm bảo.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a1) Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

a2) Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện:

b1) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xác nhận xã Tịnh Khê đạt các chỉ tiêu về Quốc phòng năm 2023 theo quy định.

b2) Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã Tịnh Khê trong năm 2023 được Công an tỉnh đánh giá đạt theo quy định.

c) Đánh giá chung: Đạt

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ:

Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Tịnh Khê được Đoàn thẩm định tỉnh đánh giá, cụ thể như sau:

- Có 95/97 chỉ tiêu đạt;

- Có 02/97 chỉ tiêu chưa đảm bảo, gồm:

+ Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp đạt 90% (quy định 100%).

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 3,2% (quy định $\geq 50\%$), tuy nhiên tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 69,2%).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Hội đồng thẩm định tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Thành viên Hội đồng thẩm định (*Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 12/10/2022*);
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- GD, PGD Sở (p/t);
- Lưu: VT, NTM (NdSom).

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương